

Số: 24 /2019/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 02 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị quyết số 205/2019/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2019
của HĐND tỉnh Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 170/TTr-STC
ngày 5 tháng 6 năm 2019 về việc quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai
thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về đối tượng chịu phí, người nộp phí, cơ quan thu phí, mức thu, phương pháp tính, kê khai, nộp phí và quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản, các cơ quan nhà nước và tổ chức cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng chịu phí, người nộp phí và cơ quan thu phí

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là hoạt động khai thác các loại khoáng sản quy định Điều 3 Quyết định này.

2. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác các loại khoáng sản thuộc đối tượng chịu phí quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 3. Mức thu phí

1. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cụ thể như sau:

- a) Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng): 4.000đ/m³;
- b) Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình: 2.000đ/m³;
- c) Đất sét, đất làm gạch, ngói: 2.000đ/m³;
- d) Các loại đất khác: 2.000đ/m³;
- e) Nước khoáng thiên nhiên: 3.000đ/m³;

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản tận thu bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Các trường hợp được áp dụng mức thu phí khai thác khoáng sản tận thu thực hiện theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

3. Đối với các loại khoáng sản không quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp dụng mức thu tối đa theo quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 4. Phương pháp tính phí

Phương pháp tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và khai thác khoáng sản tận thu áp dụng Điều 5 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 5. kê khai, nộp phí

Cơ quan thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

Cơ quan thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được dùng để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật bảo vệ môi trường và Luật ngân sách nhà nước, theo các nội dung cụ thể sau đây:

a) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

c) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

d) Nơi có hoạt động khai thác khoáng sản quy định tại khoản này là nơi thực tế diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản và các khu vực bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản theo địa bàn quản lý của cấp xã và cấp huyện.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu về các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản tại địa phương cho cơ quan thuế và phối hợp với cơ quan thuế quản lý chặt chẽ các đối tượng nộp phí theo quy định tại Quyết định này.

2. Cơ quan thuế địa phương

a) Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện đăng ký, kê khai, nộp phí theo quy định.

b) Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp phí, quyết toán tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Ấn định số phí bảo vệ môi trường phải nộp theo quy định trong trường hợp đối tượng nộp phí chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ.

c) Xử lý vi phạm hành chính về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo thẩm quyền.

d) Lưu giữ và sử dụng số liệu, tài liệu cơ sở khai thác khoáng sản và đối tượng khác cung cấp theo quy định.

đ) Phối hợp với cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường ở địa phương tổ chức quản lý thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định của Luật quản lý thuế và quy định tại Quyết định này.

e) Chậm nhất ngày 31 tháng 3 hằng năm, cơ quan thu phí có trách nhiệm thông tin công khai: Số lượng khoáng sản khai thác, số lượng phế thải, số phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đã nộp của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo địa phương, đài phát thanh địa phương, đài truyền hình địa phương, trang thông tin điện tử của cơ quan thuế và các hình thức phù hợp khác để người dân được biết.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, cân đối, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế công khai tình hình thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 28/12/2008 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, phí thăm định kết quả đấu thầu, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh và Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, CV: TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng